

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-10-2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Anh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thúy Hằng -Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/201/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu A, xã AĐ, huyện PN, tỉnh PT

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu B, xã AĐ, huyện PN, tỉnh PT

(Chị H và anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 28/11/2013 tại UBND xã AĐ, huyện PN, tỉnh PT. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng đã ngồi nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng không hàn gắn được, đã có lúc phải nhờ tới chính quyền địa phương hòa giải, nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 14/4/2019. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Đỗ Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Diễm M sinh ngày 18/10/2015. Khi ly hôn, chị H đồng ý để anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M.

Về con riêng: Chị Đỗ Thị H xác định chị H có 01 con riêng là cháu Trần Kiều A sinh ngày 02/10/2013. Trước khi quen biết với anh C, chị đã có thai cháu Kiều A với người đàn ông khác. Sau khi quen anh C đến cuối tháng 7 âm lịch năm 2013 thì chị H về nhà anh C ở, khi đó chị H đã có thai được khoảng 07 tháng. Đến ngày 02/10/2013, chị H sinh cháu Kiều A. Ngày 28/11/2013, chị H và anh C đăng ký kết hôn và ngày 29/11/2013 anh C đi đăng ký khai sinh cho cháu Kiều A và khai bố đẻ là Trần Văn C. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu Kiều A và không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi cháu Kiều A.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị H xác định vợ chồng có tài sản nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Chị H xác định vợ chồng có nợ chung tại phòng giao dịch Tử Đà ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Ninh, Phú Thọ nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài khoản nợ chung vợ chồng tại phòng giao dịch Tử Đà ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Ninh, Phú Thọ, chị không biết khoản nợ chung nào khác của vợ chồng.

Về công sức đóng góp: Chị H xác định vợ chồng không có vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn C trình bày: Anh đồng ý với việc trình bày của chị H về quá trình kết hôn của vợ chồng. Theo anh C trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Chị H đã đi khỏi nhà từ ngày 14/4/2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H đề nghị ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng còn nợ rất nhiều. Anh C xác định hiện nay không còn tình cảm với chị H. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi vợ chồng đã trả các khoản nợ chung của vợ chồng.

Về con chung: anh Trần Văn C xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Diễm M sinh ngày 18/10/2015. Khi ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M. Anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về con riêng: anh Trần Văn C xác định chị H có 01 con riêng là cháu Trần Kiều A sinh ngày 02/10/2013. Trước khi kết hôn với anh C, chị H đã có thai cháu Kiều A với người khác. Chị H sinh cháu Kiều A trước khi chị H và anh C đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn với anh C, ngày 29/11/2013 anh C đi đăng ký khai

sinh cho cháu Kiều A và khai bố đẻ là Trần Văn C. Lí do anh khai sinh là bố đẻ của cháu Kiều A vì muốn trong giấy khai sinh của cháu có tên bố.

Về tài sản chung: anh Trần Văn C xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Anh C xác định vợ chồng có nợ chung tại phòng giao dịch Tử Đà ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Ninh, Phú Thọ nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh C cho rằng ngoài ra vợ chồng còn có những khoản nợ chung khác, tại phiên tòa anh chưa thể cung cấp họ tên của những người vợ chồng anh chị vay nợ và cũng chưa cung cấp được chính xác số tiền hai vợ chồng nợ là bao nhiêu. Anh C đề nghị tòa án giải quyết khoản nợ này.

Về công sức đóng góp: Anh C xác định vợ chồng không có vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2019, ông Đỗ Văn X là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N trình bày:

Hiện nay chị H và anh C đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là chưa đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ. Quan điểm của ngân hàng là đồng ý với đề nghị của chị H là chưa giải quyết về tài sản chung và công nợ. Chị H và anh C đang nợ tiền ngân hàng, hiện nay anh C và chị H không vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, khoản nợ của chị H, anh C chưa đến hạn trả nợ. Ngân hàng chưa đề nghị Tòa án giải quyết khoản tiền vay của chị H và anh C trong vụ án ly hôn giữa anh C và chị H. Chị H và anh C có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh C đều tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đồng ý ly hôn, nhưng việc không đồng ý không phải là anh còn tình cảm hay muốn níu giữ quan hệ hôn nhân mà do vợ chồng còn nợ nhiều và anh muốn giải quyết xong nợ thì mới đồng ý ly hôn. Đây là lý do để xem xét về tình trạng hôn nhân của anh chị để chứng minh quan hệ vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

2. Về con chung:

Vợ chồng anh chị H, C khai nhận vợ chồng có hai con là cháu Trần Kiều A - sinh ngày 02/10/2013 và cháu Trần Diễm M- sinh ngày 18/10/2015. Tuy nhiên cả anh

chị đều xác định vợ chồng chị chỉ có 01 con chung là cháu Trần Diễm M sinh ngày 18/10/2015, còn cháu A là con riêng của chị và người khác có trước khi kết hôn nhưng anh C vẫn nhận làm cha trên giấy khai sinh cho cháu. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận để anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C vì anh C không yêu cầu, còn chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù cả anh C và chị H đều xác nhận cháu A không phải là con chung của hai người nhưng theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân gia đình 2014 thì một trong 03 trường hợp được xem là con chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đó là:

...3. Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Như vậy, vẫn phải xác định cháu A là con chung vợ chồng của anh C và chị Hn và công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng anh chị về việc giao cháu M cho anh C và giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau do các bên không có đề nghị. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom con chung.

Nếu anh C có tranh chấp hoặc không thừa nhận về con chung thì thực hiện việc xác định cha mẹ cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh C yêu cầu tòa án giải quyết đối với nợ chung của một số người khác ngoài nợ ngân hàng. Đối với yêu cầu của anh, ngày 26/8/2019 Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp tài liệu chứng cứ về nợ chung cũng như tên tuổi của người anh khai nhận nợ để giải quyết trong thời hạn 15 ngày. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án yêu cầu nhưng anh C vẫn không cung cấp chứng cứ nên tòa án đã ra quyết định xét xử theo quy định.

5. Về công sức đóng góp: Không có nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại Khu B, xã AĐ, huyện PN, tỉnh PT vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26-8-2019 nhưng chị H và anh C không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại UBND xã AĐ, huyện PN, tỉnh PT. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn

không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh C đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 14/4/2019 cho đến nay. Chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh C. Anh C cũng khẳng định anh không còn tình cảm với chị H. Tại Biên bản xác minh ngày 18/7/2019, chính quyền địa phương cung cấp cho Tòa án là trong cuộc sống vợ chồng anh C, chị H có mâu thuẫn; nguyên nhân cụ thể ra sao thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh C không đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng còn nợ rất nhiều. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi vợ chồng đã thỏa thuận được với nhau về các khoản nợ chung của vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị H và anh C không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Diễm M sinh ngày 18/10/2015. Khi ly hôn, anh C và chị H thỏa thuận để anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C vì anh C không yêu cầu. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh C nên cần chấp nhận.

Về con riêng: anh Trần Văn C và chị Đỗ Thị H thống nhất xác định chị H có 01 con riêng là cháu Trần Kiều A sinh ngày 02/10/2013. Trước khi gặp và kết hôn với anh C, chị H đã có thai cháu Kiều A với người khác. Chị H sinh cháu Kiều A trước khi chị H và anh C đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn với anh C, ngày 29/11/2013 anh C đi đăng ký khai sinh cho cháu Kiều A và khai bố đẻ là Trần Văn C, lý do anh khai sinh là bố đẻ của cháu Kiều A vì muốn trong giấy khai sinh của cháu có tên bố. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu Kiều A. Xét thấy anh C và chị H đều thống nhất xác định cháu Trần Kiều A là con riêng của chị H vì vậy cần giao cháu Kiều A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu Kiều A cùng chị H.

[4]. Về tài sản chung: chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C thống nhất xác định vợ chồng có nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy chưa đặt ra giải quyết.

[5]. Về nợ chung:

Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C xác định vợ chồng có nợ chung tại ngân hàng N chi nhánh huyện Phù Ninh, Phú Thọ nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ngân hàng N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên quan điểm của ngân hàng chưa đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung của chị H và anh C trong vụ án này vì hiện nay khoản nợ của chị H và anh C chưa đến hạn và chị H, anh C không vi phạm nghĩa vụ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ngân hàng vì vậy chưa giải quyết trong vụ án này, nếu sau này ngân hàng có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh C cho rằng ngoài ra vợ chồng còn có những khoản nợ chung khác, hiện nay anh chưa thể cung cấp họ tên của những người vợ chồng anh chị vay nợ và cũng

chưa cung cấp được chính xác số tiền hai vợ chồng nợ là bao nhiêu. Anh C đề nghị tòa án giải quyết khoản nợ này. Xét thấy anh C đã được Tòa án tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh ngoài khoản nợ chung của ngân hàng, vợ chồng còn khoản nợ khác, hết thời hạn anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa anh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh vì vậy không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về công sức đóng góp: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C xác định vợ chồng không có vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã nộp tạm ứng số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sau đó chị đã rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh đã trả lại cho chị H số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vì vậy cần xác nhận.

[8]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 6.750.000đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001177 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Xét đề nghị về phần con chung đối với cháu Trần Kiều A của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn C

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Diễm M sinh ngày 18/10/2015. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C vì anh C không yêu cầu. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về con riêng: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kiều A sinh ngày 02/10/2013. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu Kiều A cùng chị H.

Về tài sản chung: chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C thống nhất xác định vợ chồng có nhưng chưa đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy chưa đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chưa đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về công sức đóng góp: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn C xác định vợ chồng không có vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Xác nhận Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh đã trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo Biên bản trả tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2019.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001121 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001177 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND H. Phù Ninh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS H. Phù Ninh;
- UBND xã An Đạo;
- Lưu VP, HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Lan